

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3-CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 312/2026/DS-ST
Ngày: 13-5-2026
V/v tranh chấp: “Hợp đồng tín dụng”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3- CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thuỳ Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Thanh Tùng

Bà Lê Thị Tuyết Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hạnh Nhung- Thư ký Toà án nhân dân khu vực 3- Cần Thơ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 3- Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Tạ Bá Nhị - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 5 năm 2026, tại Toà án nhân dân khu vực 3- Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 704/2025/TLST-DS ngày 19 tháng 11 năm 2025, về tranh chấp “Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 355/2026/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 3 năm 2026; Quyết định Hoãn phiên tòa 324/QĐST-DS ngày 13/4/2026 và Thông báo xét xử sơ thẩm số 234/TBXX-ST ngày 13/4/2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng Thương mại Cổ phần V (V1)**. Trụ sở: H L, phường Đ, Thành phố Hà Nội.

Đại diện uỷ quyền: Ông Nguyễn Thanh T; sinh năm: 1987 (Điện thoại: 0903.460.192); ông Lê Bằng P, sinh năm: 1997 (Điện thoại: 0849.063.468); bà Nguyễn Như Ý, sinh năm: 2003 (Điện thoại: 0859.331.522); ông Nguyễn Thành Đ, sinh năm: 2000 (Điện thoại: 0934.524.256)- Chuyên viên xử lý nợ. Địa chỉ: Tầng C Số C đường N, phường C, thành phố Cần Thơ (Văn bản uỷ quyền số 5952 ngày 10/11/2025). Có yêu cầu xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Ông **Trương Phạm An T1**; sinh năm: 1983. Địa chỉ: A đường D, Khu V, phường C, thành phố Cần Thơ (phường H, quận C, thành phố Cần Thơ cũ). Điện thoại: 0974.830.113. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 17/10/2025 và quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần V (V1) cho rằng:

Ngày 11/02/2023, ông Trương Phạm An T1 ký Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng dịch vụ ngân hàng điện tử với Ngân hàng Thương mại Cổ phần V, hạn mức tín dụng 70.000.000 đồng, lãi suất 47.88%/năm. Ngân hàng đã cấp thẻ tín dụng loại thẻ Platinum CashBack cho ông An T1. Đến ngày 26/8/2024 thì nâng hạn mức lên 91.000.000 đồng. Hình thức thanh toán là trả nợ gốc, lãi theo kỳ thanh toán tương ứng đã sử dụng hàng tháng.

Quá trình sử dụng thẻ: ngày 08/11/2023, ông Trương Phạm An T1 đã nhận thẻ và sử dụng dịch vụ thanh toán, cấp tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V. Tuy nhiên, ông An T1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán từ ngày 12/6/2025.

Tạm tính đến ngày 13/5/2026, ông Trương Phạm An T1 còn nợ tổng cộng: 167.083.813 đồng (Một trăm sáu mươi bảy triệu không trăm tám mươi ba ngàn tám trăm mười ba đồng); trong đó: nợ gốc: 87.491.262 đồng + lãi trong hạn: 53.061.701 đồng + lãi quá hạn: 26.530.850 đồng.

Nay nguyên đơn yêu cầu ông Trương Phạm An T1 phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V tiền nợ Thẻ tín dụng còn thiếu tạm tính đến ngày 13/5/2026, tổng cộng: 167.083.813 đồng (Một trăm sáu mươi bảy triệu không trăm tám mươi ba ngàn tám trăm mười ba đồng) và lãi, phí phát sinh kể từ ngày tiếp theo đến khi thanh toán tất nợ theo thoả thuận tại Hợp đồng đã ký.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Trương Phạm An T1 vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là phù hợp quy định pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Xét thấy:

Ông Trương Phạm An T1 có ký Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng dịch vụ ngân hàng điện tử với Ngân hàng Thương mại Cổ phần V, bị đơn đã nhận Thẻ tín dụng và sử dụng dịch vụ thanh toán, cấp tín dụng của nguyên đơn nhưng vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thoả thuận của hợp đồng nên ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc và lãi còn thiếu tính đến ngày 13/5/2026, tổng cộng: 167.083.813 đồng (Một trăm sáu mươi bảy triệu không trăm tám mươi ba ngàn tám trăm mười ba đồng); trong đó: nợ gốc: 87.491.262 đồng + lãi trong hạn:

53.061.701 đồng + lãi quá hạn: 26.530.850 đồng và lãi phát sinh kể từ ngày tiếp theo đến khi thanh toán tất nợ theo thỏa thuận tại Hợp đồng đã ký, là có cơ sở, đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Xét mối quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:** đây là vụ kiện tranh chấp "Hợp đồng tín dụng" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 3 Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] **Xét nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán nợ gốc, lãi còn thiếu và lãi phát sinh của Thẻ tín dụng; thấy rằng:**

Ngày 11/02/2023, ông Trương Phạm An T1 ký Giấy đề nghị kèm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng dịch vụ ngân hàng điện tử với Ngân hàng Thương mại Cổ phần V; loại thẻ Platinum CashBack, hạn mức tín dụng 70.000.000đ, lãi suất 47.88%/năm.

Ngày 08/11/2023, ông Trương Phạm An T1 đã nhận thẻ và sử dụng dịch vụ thanh toán, cấp tín dụng của nguyên đơn. Ngày 26/8/2024 thì nâng hạn mức lên 91.000.000đ. Tuy nhiên, ông An T1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán từ ngày 12/6/2025 theo thỏa thuận của hợp đồng nên nguyên đơn yêu cầu ông Trương Phạm An T1 phải thanh toán số tiền còn thiếu tạm tính đến ngày 13/5/2026, tổng cộng: 167.083.813 đồng (Một trăm sáu mươi bảy triệu không trăm tám mươi ba ngàn tám trăm mười ba đồng); trong đó: nợ gốc: 87.491.262 đồng + lãi trong hạn: 53.061.701 đồng + lãi quá hạn: 26.530.850 đồng và lãi, phí phát sinh kể từ ngày tiếp theo đến khi thanh toán tất nợ theo mức lãi, phí quy định tại hợp đồng đã ký, là có cơ sở nên được chấp nhận.

[3] **Về án phí dân sự sơ thẩm:** theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn là ông Trương Phạm An T1 phải chịu án phí đối với nghĩa vụ thanh toán nợ: (167.083.813 đồng x 5%); tương ứng với số tiền án phí bị đơn phải chịu: 8.354.200 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 227, 228, 235, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.
- Điều 91, 95, 98 Luật Các tổ chức tín dụng.

- Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần V.

Buộc ông Trương Phạm An T1 phải trả Ngân hàng Thương mại Cổ phần V tiền nợ còn thiếu của Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng dịch vụ ngân hàng điện tử số 005-P-0464275 ngày 11/02/2023 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần V với ông Trương Phạm An T1, tạm tính đến ngày 13/5/2026, tổng cộng: 167.083.813 đồng (Một trăm sáu mươi bảy triệu không trăm tám mươi ba ngàn tám trăm mười ba đồng); trong đó: nợ gốc: 87.491.262 đồng + lãi 79.592.551 đồng và lãi, phí phát sinh kể từ ngày 14/5/2026 đến khi thanh toán tất nợ theo mức lãi, phí quy định tại hợp đồng đã ký.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1 Ông Trương Phạm An T1 phải chịu 8.354.200 đồng (Tám triệu ba trăm năm mươi bốn ngàn hai trăm đồng) án phí.

2.2 Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.351.104 đồng theo biên lai số 0009562 ngày 13/11/2025 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3- Cần Thơ.

3. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản sao bản án được niêm yết đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa; các đương sự được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

4. Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án. Quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND khu vực 3- Cần Thơ;
- Phòng T.H.A DS khu vực 3- Cần Thơ;
- TAND Tp. Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ tại Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thùy Trang

